|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**Luật số: /2025/QH15**Dự thảo xin ý kiến Chính phủ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ (SỬA ĐỔI) VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.*

# **Chương I**

# **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân; các chính sách, biện pháp bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

### **Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

### **Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khoa học* là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

2. *Công nghệ* là tập hợp các giải pháp kỹ thuật, quy trình, công cụ được tạo ra bởi ứng dụng tri thức khoa học, kinh nghiệm để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

3. *Đổi mới sáng tạo* là hoạt động tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có.

4. *Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là tập hợp các hoạt động có tổ chức nhằm tạo ra, phát triển, ứng dụng, lan tỏa tri thức, công nghệ và sáng tạo mới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, bao gồm:

a) Nghiên cứu cơ bản;

b) Nghiên cứu ứng dụng;

c) Phát triển công nghệ;

d) Sản xuất thử nghiệm;

đ) Ứng dụng và chuyển giao công nghệ;

e) Đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ;

g) Khởi nghiệp sáng tạo;

h) Phát triển giải pháp xã hội;

i) Cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

k) Hoạt động sáng kiến kỹ thuật, sáng tạo tri thức và các hoạt động liên quan khác.

          5. *Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là hình thức tổ chức công việc để giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

          6. *Nghiên cứu cơ bản* là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

7. *Nghiên cứu ứng dụng* là hoạt động nghiên cứu khoa học sử dụng tri thức khoa học để tạo ra giải pháp phục vụ nhu cầu thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội.

8. *Phát triển công nghệ* là quá trình vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học thông qua việc thử nghiệm trên quy mô hạn chế, sản xuất thử nghiệm để tạo ra công nghệ mới hoặc cải tiến công nghệ, phù hợp với điều kiện ứng dụng thực tiễn.

        9. *Sản xuất thử nghiệm* là việc sản xuất thử sản phẩm mới trên dây chuyền gần với sản xuất thương mại nhằm kiểm tra chất lượng, chi phí và khả năng thương mại hóa trước khi triển khai thực tế.

10. *Phát triển giải pháp xã hội* là phát triển và triển khai các sáng kiến hoặc giải pháp mới nhằm giải quyết hiệu quả và bền vững các vấn đề xã hội, cộng đồng và môi trường góp phần tạo ra giá trị xã hội.

11. *Khởi nghiệp sáng tạo* là quá trình hình thành và phát triển mô hình kinh doanh sáng tạo dựa trên công nghệ, ý tưởng đột phá hoặc mô hình kinh doanh mới, do cá nhân, nhóm cá nhân hoặc tổ chức thực hiện, nhằm giải quyết các vấn đề thị trường hoặc xã hội.

12. *Hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo* là hoạt động cung cấp các nguồn lực, dịch vụ, hỗ trợ cho đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm: sở hữu trí tuệ, hạ tầng kỹ thuật, không gian làm việc, pháp lý, thông tin thị trường, kết nối đầu tư, tài chính, thương mại, truyền thông và các hỗ trợ cần thiết khác cho đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

 13. *Tổ chức khoa học và công nghệ* là tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

14. *Trung tâm nghiên cứu và phát triển* là tổ chức chuyên thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được công nhận theo tiêu chí năng lực và hiệu quả hoạt động.

15. *Trung tâm đổi mới sáng tạo* là tổ chức thực hiện, hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, được công nhận theo tiêu chí về năng lực và kết quả hoạt động.

16. *Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp triển khai mô hình kinh doanh sáng tạo, có khả năng tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường dựa trên khai thác hiệu quả công nghệ, tài sản trí tuệ, ý tưởng đột phá hoặc mô hình kinh doanh mới.

17. *Dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động đổi mới sáng tạo.

18. *Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia* là hệ thống số hóa phục vụ quản lý nhà nước, theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả và hiệu quả triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên phạm vi toàn quốc.

 19. *Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là hạ tầng số phục vụ lưu trữ, chia sẻ, phổ biến, khai thác và sử dụng công khai kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, cá nhân trong xã hội; bảo đảm kết nối với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để cung cấp dữ liệu đầu vào chính xác, thống nhất.

20. *Hệ thống đổi mới sáng tạo* là tổng thể các chủ thể và mối liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, tổ chức trung gian, cơ quan nhà nước, cộng đồng và thiết chế để thúc đẩy việc tạo ra hoặc cải tiến sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế – xã hội và chất lượng cuộc sống.

### **Áp dụng Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

 Trường hợp Luật này có quy định khác với các luật, nghị quyết khác của Quốc hội về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì áp dụng quy định của Luật này, trừ trường hợp các luật, nghị quyết khác có quy định cơ chế chính sách ưu tiên, ưu đãi hoặc thuận lợi hơn thì Chính phủ quyết định việc áp dụng cơ chế chính sách.

### **Nguyên tắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và dự báo xu hướng phát triển; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; lấy con người làm trung tâm, tôn trọng quyền con người, tuân thủ đạo đức nghiên cứu và yêu cầu chuyên môn;

2. Nghiên cứu trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến con người như y tế, công nghệ sinh học và trí tuệ nhân tạo, phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành và bảo đảm phát triển và ứng dụng công nghệ luôn đặt dưới sự giám sát, kiểm soát của con người;

3. Bảo đảm quyền tự do nghiên cứu và sáng tạo; đề cao đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, khách quan và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

4. Phát triển hệ thống tiêu chuẩn hóa làm nền tảng thiết lập chuẩn mực trình độ công nghệ, định hướng nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ, đồng thời

 tạo cơ sở kỹ thuật cho việc ngăn chặn, loại bỏ công nghệ lạc hậu, công nghệ ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, sức khỏe con người; hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo;

5. Nhà nước quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chủ yếu theo nguyên tắc hậu kiểm, tập trung đánh giá kết quả thực hiện, không can thiệp vào phương pháp, quy trình thực hiện; bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân. Trường hợp cần thiết, tiền kiểm được áp dụng đảm bảo không gây cản trở hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

### **Chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Nhà nước xây dựng và thực thi chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo định hướng chiến lược sau đây:

a) Định hướng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và xã hội; nâng cao năng lực tiếp nhận, làm chủ và thương mại hóa công nghệ trong nước;

b) Nhà nước kiến tạo phát triển, giữ vai trò dẫn dắt trong xây dựng thể chế, đầu tư hạ tầng khoa học, công nghệ, dữ liệu và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở, minh bạch, hiệu quả;

c) Khuyến khích mạo hiểm có kiểm soát, thông qua cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, chính sách chia sẻ rủi ro và khuyến khích đầu tư mạo hiểm;

d) Phát triển bền vững và bao trùm, ưu tiên giải pháp khoa học và công nghệ góp phần bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm công bằng trong tiếp cận công nghệ;

đ) Khơi dậy và kết nối mọi nguồn lực trong xã hội cho nỗ lực đổi mới sáng tạo; bảo đảm các nguồn lực này phát huy tối đa năng lực sáng tạo, khả năng kiến tạo giá trị, phát triển nội sinh và tương tác cộng hưởng.

2. Để cụ thể hóa các định hướng chiến lược quy định tại khoản 1 Điều này, Nhà nước thực hiện các chính sách sau đây:

a) Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia hiện đại, đồng bộ, gắn với xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội; phát huy vai trò trung tâm của doanh nghiệp và người dân, vai trò tri thức của cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu, vai trò kiến tạo và dẫn dắt của Nhà nước;

b) Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng nghiên cứu, công nghệ và đổi mới sáng tạo; huy động hiệu quả mọi nguồn lực; áp dụng cơ chế ưu đãi và cơ chế đặc thù để thu hút, đào tạo, phát triển và trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao;

c) Phát triển đồng bộ lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn; tăng cường hỗ trợ nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng theo thế mạnh của từng tổ chức; thúc đẩy phát triển công nghệ, chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, làm chủ và sáng tạo công nghệ;

d) Gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng, phát huy tiềm năng nội sinh kết hợp với tiếp thu có chọn lọc các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; xây dựng các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học thành chủ thể nghiên cứu mạnh; nâng cao năng lực cạnh tranh công nghệ quốc gia trong các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế;

đ) Phát triển và hoàn thiện thị trường khoa học và công nghệ, tạo điều kiện để doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ;

e) Thúc đẩy hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiếp thu có chọn lọc các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam; mở rộng hợp tác để nâng cao năng lực công nghệ và vị thế quốc gia;

g) Ưu tiên phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, hải đảo và khu vực có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn thông qua đầu tư hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương; khuyến khích mô hình đổi mới sáng tạo gắn với phát triển nông nghiệp, bảo tồn tri thức bản địa và phát triển bền vững;

h) Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác và cộng đồng trong công tác tuyên truyền, tư vấn, phản biện xã hội đối với chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh kết nối khoa học và công nghệ với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giáo dục – đào tạo và phát triển cộng đồng.

### **Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam**

Ngày 18 tháng 5 hằng năm là ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam.

### **Liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ**

 1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo đảm tuân thủ nguyên tắc liêm chính khoa học và thực hiện đầy đủ trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Hành vi ngụy tạo, xuyên tạc dữ liệu, đạo văn, che giấu xung đột lợi ích hoặc hành vi làm sai lệch bản chất nghiên cứu là hành vi vi phạm nghiêm trọng liêm chính khoa học.

 2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm hướng dẫn áp dụng, kiểm tra việc tuân thủ liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong phạm vi quản lý.

 3. Tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy tắc về liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định trường hợp cập nhật thông tin về hành vi vi phạm liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

### **Chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Nhà nước cho phép chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc chấp nhận rủi ro phải đi kèm với các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp, không trái với pháp luật, không làm thất thoát, lãng phí tài sản công.

2. Rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

a) Rủi ro trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Rủi ro trong thử nghiệm có kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Luật này;

c) Rủi ro trong đầu tư mạo hiểm thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Luật này;

d) Rủi ro khác theo quy định của Chính phủ.

3. Chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo không bị truy cứu trách nhiệm hành chính hoặc trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định trong quá trình triển khai và không có hành vi gian lận, cố ý vi phạm pháp luật hoặc sử dụng sai mục tiêu, phạm vi kinh phí;

​ b) Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của doanh nghiệp nhà nước không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng đúng mục tiêu, phạm vi nếu đã thực hiện đầy đủ quy định quản lý nhiệm vụ, quy trình, nội dung nghiên cứu, biện pháp phòng ngừa rủi ro nhưng kết quả nghiên cứu không đạt mục tiêu hoặc sản phẩm không được thị trường chấp nhận;

​ c) Tổ chức, cá nhân phê duyệt và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của doanh nghiệp nhà nước được miễn trách nhiệm hành chính, dân sự nếu đã tuân thủ đầy đủ quy định, quy trình về quản lý nhiệm vụ và không có hành vi vi phạm pháp luật, nhưng kết quả nghiên cứu không đạt mục tiêu hoặc sản phẩm không được thị trường chấp nhận.

​ 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này, bao gồm tiêu chí xác định rủi ro được chấp nhận, quy trình đánh giá việc tuân thủ, cơ chế bảo vệ người thực hiện, người quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

### **Trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

 1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc được hưởng ưu đãi, hỗ trợ, tài trợ từ Nhà nước có trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức, công bố kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng nhiều hình thức phù hợp, bao gồm việc cập nhật thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trừ nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc ảnh hưởng đến khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

 2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phổ biến, lan tỏa tri thức, công bố thông tin kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc theo các hình thức khác phù hợp quy định của pháp luật.

###  **Khuyến khích sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và truyền thông, phổ biến tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

 1. Nhà nước hỗ trợ tài chính cho hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phổ biến tri thức thông qua việc tài trợ, hỗ trợ hoạt động theo cơ chế phù hợp.

2. Kinh phí doanh nghiệp chi cho hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phổ biến tri thức được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế và kế toán.

3. Chính phủ quy định tiêu chí, hình thức, trình tự, thủ tục và mức tài trợ, hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này và quy định chi tiết Điều này.

###  **Tạp chí khoa học**

1. Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hình thành một hoặc một số tạp chí khoa học. Mỗi tạp chí khoa học thành lập hội đồng biên tập tạp chí khoa học. Hội đồng bao gồm Chủ tịch hội đồng biên tập và các thành viên là các chuyên gia, nhà khoa học hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Hội đồng có trách nhiệm xét chọn các bài báo khoa học đăng trên tạp chí, hình thành nội dung tạp chí đảm bảo chất lượng khoa học.

2. Việc xuất bản tạp chí được thực hiện thông qua cơ quan tạp chí khoa học theo quy định của pháp luật về báo chí.

3. Chính phủ quy định về tiêu chí khoa học đối với tạp chí khoa học, hội đồng biên tập tạp chí, quy trình xét chọn bài báo, xếp loại tạp chí.

###  **Trách nhiệm quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Trách nhiệm của Chính phủ

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi cả nước;

b) Hằng năm, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc thực hiện chính sách, biện pháp để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên phạm vi cả nước.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện việc quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương.

### **Các hành vi bị cấm**

1. Cản trở, gây khó khăn cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào việc đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ, đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo hoặc hành vi khác can thiệp trái pháp luật vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân.

 3. Lợi dụng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

 a) Xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

 b) Truyền bá thông tin sai sự thật, xuyên tạc kết quả nghiên cứu khoa học;

           c) Chiếm đoạt, sử dụng trái phép kết quả nghiên cứu của tổ chức, cá nhân khác hoặc hành vi khác xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

4. Cố ý không tuân thủ các quy định chuyên ngành hoặc cố ý che giấu rủi ro khi thực hiện nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên, môi trường, đa dạng sinh học, sức khỏe cộng đồng.

5. Tiết lộ hoặc sử dụng trái phép dữ liệu nhạy cảm thu thập trong quá trình nghiên cứu và phát triển, gây ảnh hưởng đến quyền riêng tư hoặc an ninh quốc gia, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

### **Chương II**

# **CHÍNH SÁCH VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

## **Mục 1**

## **CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ VÀ CHƯƠNG TRÌNH**

### **Chiến lược, kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Trung ương xây dựng, ban hành kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trong đó xác định cơ cấu chi ngân sách nhà nước về chi đầu tư, chi thường xuyên cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá hằng năm việc thực hiện kế hoạch tổng thể của các bộ, ngành và địa phương. Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong các căn cứ để hình thành kế hoạch đầu tư công trung hạn trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Căn cứ kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của mình; quản lý và sử dụng ngân sách hiệu quả, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; chịu trách nhiệm giải trình về hiệu quả thực hiện.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do tổ chức, doanh nghiệp đề xuất theo định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể của Nhà nước để xem xét tài trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí;

b) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo đặt hàng của Nhà nước do Nhà nước cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện;

c) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở do tổ chức khoa học và công nghệ công lập chủ động xây dựng, thực hiện từ nguồn kinh phí được giao hoặc nguồn kinh phí tự chủ khác theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 62 của Luật này.

2. Nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện.

Các cơ quan ở trung ương và địa phương đặt hàng nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp nhận, ứng dụng kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ trong trường hợp đặt hàng nhiệm vụ nêu rõ Nhà nước sẽ nắm giữ quyền quản lý, sử dụng kết quả nhiệm vụ.

Việc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ chịu trách nhiệm quyết định trong các trường hợp sau đây:

a) Triển khai nhiệm vụ cần bảo đảm yêu cầu bí mật nhà nước;

b) Triển khai nhiệm vụ cấp bách để phục vụ mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; khắc phục hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác; phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; bảo vệ tính mạng của người dân; bảo vệ lợi ích của nhà nước hoặc lợi ích của cộng đồng;

c) Nhiệm vụ chỉ có một tổ chức, doanh nghiệp có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó;

d) Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ huy động được nhân tài hoặc có cơ sở vật chất, hạ tầng đặc biệt phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu.

3. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xét tài trợ, tuyển chọn, giao trực tiếp theo từng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ hoặc chuỗi nhiệm vụ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia**

1. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia là tập hợp các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có mục tiêu chung để giải quyết các vấn đề phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trung hạn hoặc dài hạn.

2. Việc xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Phù hợp với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong từng giai đoạn cụ thể;

b) Tập trung, trọng điểm, không trùng lặp giữa các chương trình;

c) Dự kiến được tổng mức kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện.

3. Bộ, ngành, địa phương, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

4. Chính phủ quy định chi tiết về việc xây dựng, thẩm định, kiểm tra chương trình và quy định chi tiết Điều này.

### **Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt**

1. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt và Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt là các nhiệm vụ, chương trình có quy mô lớn do Thủ tướng Chính phủ quyết định nhằm thực hiện một trong các mục tiêu sau đây:

a) Phục vụ phát triển công nghệ chiến lược;

b) Phục vụ nghiên cứu chiến lược chính sách, mang lại giá trị to lớn trong khoa học lý luận chính trị, xã hội, nhân văn;

c) Phục vụ các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia;

d) Tạo tác động mạnh đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa trong nước;

d) Phục vụ quốc phòng, an ninh.

2. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt và Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt được áp dụng cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù theo quy định của Chính phủ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Thống kê, đo lường, đánh giá kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

 1. Việc đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động tổng thể của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm các nội dung sau đây:

 a) Đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của triển khai chiến lược, kế hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

 b) Đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của việc thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước;

 c) Đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

 d) Đánh giá hiệu quả, tác động triển khai chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Việc đánh giá chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm các nội dung sau đây:

a) Mức độ hoàn thành mục tiêu khoa học, công nghệ hoặc sản phẩm đầu ra đã cam kết trong hợp đồng. Việc đánh giá mục tiêu hoàn thành có tính đến trường hợp kết quả không thành công nhưng có giá trị học thuật, dữ liệu nền hoặc cơ sở cho nghiên cứu tiếp theo;

b) Tiến độ thực hiện so với kế hoạch, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ theo các mốc thời gian, báo cáo định kỳ và khả năng hoàn thành đúng hạn, cho phép điều chỉnh linh hoạt nếu có lý do chính đáng và được cơ quan quản lý chấp thuận;

c) Hiệu quả đầu ra của chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo so với kinh phí sử dụng thông qua việc xác định mức độ tương xứng giữa kết quả đạt được với nguồn lực ngân sách đã sử dụng, về số lượng sản phẩm, về giá trị khoa học, khả năng ứng dụng thực tiễn và đóng góp cho đổi mới sáng tạo;

d) Tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội sau một khoảng thời gian nhất định kể từ thời điểm kết thúc nhiệm vụ.

 3. Việc đánh giá được triển khai trên cơ sở:

 a) Bộ tiêu chí đánh giá, đo lường kết quả, hiệu quả hoạt động và mức độ đóng góp của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho phát triển kinh tế - xã hội, năng suất lao động, quốc phòng, an ninh;

 b) Dữ liệu thống kê, báo cáo, tổng hợp, đặc biệt là thông tin, dữ liệu trên môi trường số thông qua Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

 c) Bảo đảm nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan, công khai, minh bạch và đúng pháp luật;

 d) Tiêu chí riêng đối với chương trình, nhiệm vụ thuộc Danh mục bí mật nhà nước.

 4. Kết quả đánh giá là căn cứ để điều chỉnh kế hoạch, nội dung, phương hướng triển khai, phương án phân bổ và bố trí ngân sách nhà nước cho bộ, ngành, địa phương, tổ chức liên quan để thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, dự án; điều chỉnh biên chế, sắp xếp tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập; điều chỉnh chính sách ưu đãi về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

 5. Kinh phí thực hiện đánh giá được bố trí trong dự toán ngân sách cho hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

###  **Chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

 1. Nhà nước thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua việc phát triển đồng bộ hạ tầng số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa dữ liệu và tự động hóa quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch.

 2. Nhà nước khuyến khích ứng dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để nâng cao hiệu quả của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc đổi mới lực lượng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

 3. Nhà nước đầu tư xây dựng, vận hành và duy trì Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia tập trung, thống nhất, kết nối các cơ quan, tổ chức trên môi trường mạng để quản lý các nội dung sau đây:

 a) Quá trình hình thành, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, trừ trường hợp thuộc Danh mục bí mật nhà nước;

 b) Việc đánh giá kết quả và hiệu quả triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

 c) Việc khai thác và sử dụng cơ sở vật chất dùng chung cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

 4. Nhà nước đầu tư xây dựng, vận hành và duy trì Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung, thống nhất, đảm bảo yêu cầu bảo mật, kết nối các cơ quan, tổ chức trên môi trường mạng để lưu trữ, chia sẻ, phổ biến công khai kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, cá nhân trong xã hội khai thác và sử dụng; bảo đảm kết nối Hệ thống với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để cung cấp dữ liệu đầu vào chính xác, thống nhất.

 5. Cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, sử dụng ngân sách nhà nước, thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

          6. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký, lưu trữ và công khai kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

     7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **Mục 2THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT CÔNG NGHỆ, QUY TRÌNH, GIẢI PHÁP, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, MÔ HÌNH KINH DOANH MỚI**

###  **Yêu cầu chung đối với thử nghiệm có kiểm soát** **quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới**

1. Thử nghiệm có kiểm soát là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân triển khai thử nghiệm đối với công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới chưa có quy định pháp luật hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành, trong điều kiện thực tế có giới hạn về phạm vi, thời gian, không gian (sau đây gọi là “thử nghiệm”).

2. Việc cho phép thử nghiệm phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Công khai, minh bạch về tiêu chí, điều kiện, quy trình đánh giá lựa chọn;

b) Bình đẳng giữa các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong việc đề xuất, đăng ký, tham gia và thực hiện các quyền, trách nhiệm trong quá trình thử nghiệm;

c) Đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, lợi ích công cộng;

d) Lựa chọn phạm vi, thời gian, không gian để hạn chế rủi ro đến đời sống kinh tế - xã hội.

3. Nội dung thử nghiệm bao gồm:

a) Mục tiêu của thử nghiệm;

b) Đối tượng tham gia thử nghiệm;

c) Điều kiện, tiêu chí đối với công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới thử nghiệm;

d) Cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm;

đ) Nguyên tắc xét duyệt tổ chức tham gia thử nghiệm;

e) Trình tự, thủ tục cho phép, điều chỉnh, gia hạn, tạm dừng, kết thúc thử nghiệm;

g) Thời gian, không gian, phạm vi thử nghiệm;

h) Việc kiểm soát quá trình thử nghiệm bao gồm: cơ chế giám sát, yêu cầu báo cáo định kỳ, cơ chế ghi nhận phản hồi từ người sử dụng và phương pháp đánh giá kết quả thử nghiệm;

i) Quy định về quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thử nghiệm;

k) Biện pháp bảo vệ quyền lợi người sử dụng tham gia thử nghiệm;

l) Các yêu cầu, hướng dẫn cần tuân thủ khác trong quá trình thử nghiệm.

4. Thời hạn được phép thử nghiệm được xác định trên cơ sở đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nhưng tối đa không quá 03 năm và có thể được gia hạn 01 lần không quá 03 năm.

5. Việc thực hiện thử nghiệm phải được sơ kết, tổng kết để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tiếp tục áp dụng thử nghiệm hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để áp dụng chính thức.

6. Căn cứ vào yêu cầu quản lý thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực, Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này và các nội dung khác để xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

###  **Loại** **trừ trách nhiệm** **trong hoạt động thử nghiệm**

 Trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro, việc loại trừ trách nhiệm trong hoạt động thử nghiệm được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

1. Cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm, tổ chức, cá nhân trực tiếp thẩm định, cấp phép, kiểm soát, đánh giá thử nghiệm được loại trừ các trách nhiệm khi đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về thử nghiệm tại Luật này các quy định pháp luật về thử nghiệm, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung, trừ trường hợp đã biết hoặc phải biết về nguy cơ rủi ro đối với quá trình thử nghiệm nhưng không áp dụng đầy đủ biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra, cụ thể:

 a) Không phải chịu trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác trong quá trình thẩm định, cấp phép, kiểm soát, đánh giá thử nghiệm;

 b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính;

 c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

 2. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép tiến hành thử nghiệm, cá nhân thực hiện thử nghiệm được loại trừ trách nhiệm khi đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Luật này và các văn bản liên quan trừ khi đã biết hoặc phải biết về nguy cơ rủi ro nhưng không kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nguy cơ rủi ro phát sinh trong quá trình thử nghiệm và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra, cụ thể:

 a) Không phải chịu trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước, nhưng phải chịu trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho tổ chức, cá nhân khác trong quá trình thử nghiệm;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính;

 c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

### **Bảo vệ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm**

 Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng trong quá trình thử nghiệm và sau khi kết thúc thử nghiệm, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được cấp phép thử nghiệm có trách nhiệm:

 1. Khuyến cáo rủi ro khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm trong thời gian thử nghiệm; bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, trung thực về sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm.

2. Có cơ chế quản lý dữ liệu thử nghiệm; xây dựng và bảo đảm tuân thủ quy trình nội bộ, các biện pháp kiểm soát rủi ro của việc truy cập hoặc sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân, gian lận và đánh cắp thông tin cá nhân của người sử dụng.

3. Định kỳ đánh giá rủi ro, bảo đảm thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro, khắc phục hậu quả trong quá trình thử nghiệm và sau khi kết thúc thử nghiệm; kịp thời thông báo cho người sử dụng trong trường hợp có sự thay đổi về mức độ rủi ro của sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm.

4. Công bố đầu mối giải quyết khiếu nại của khách hàng. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm có trách nhiệm tiếp nhận và có biện pháp xử lý mọi yêu cầu tra soát, khiếu nại bằng văn bản, qua tổng đài điện thoại, nền tảng trực tuyến hoặc thư điện tử của người sử dụng. Thời gian thực hiện giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại thực hiện theo phương án tại hồ sơ đề nghị thử nghiệm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thực hiện bồi thường thiệt hại và thực hiện các nghĩa vụ dân sự khác theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và sau khi kết thúc thử nghiệm, trừ các trường hợp được loại trừ trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này.

6. Các trách nhiệm khác theo pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

## **Mục 3**

## **QUẢN LÝ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ, XỬ LÝ TÀI SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

###  **Xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Đối với tài sản trang bị từ nguồn ngân sách nhà nước, Nhà nước giao tự động quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu tài sản trang bị cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ ngay sau khi hình thành tài sản; không phải thực hiện thủ tục giao quyền quản lý, sử dụng, giao quyền sở hữu; không phải bồi hoàn giá trị tài sản; không ghi tăng vốn đầu tư của nhà nước vào doanh nghiệp.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quản lý, theo dõi riêng tài sản quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật tương ứng với loại hình hoạt động của tổ chức ngay khi hình thành tài sản; có trách nhiệm sử dụng hiệu quả tài sản để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đối với tài sản sau khi đã hoàn thành mục đích của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì được tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc:

a) Quản lý, sử dụng tài sản đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch;

b) Xử lý tài sản trong trường hợp tài sản hư hỏng, lạc hậu, không còn nhu cầu sử dụng theo hình thức bán, thanh lý, tiêu hủy hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

c) Tự quyết định việc quản lý, sử dụng, xử lý nguyên vật liệu, vật tiêu hao chưa sử dụng hết khi kết thúc nhiệm vụ;

         d) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản (nếu có).

3. Việc xử lý tài sản trang bị từ nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo thỏa thuận của các bên đóng góp nguồn kinh phí khi thực hiện nhiệm vụ.

          4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo**

1. Tổ chức, cá nhân đóng góp tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo tương ứng với tỷ lệ đóng góp theo thỏa thuận, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc kết quả thuộc phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước tự động giao quyền quản lý, sử dụng, sở hữu phần tương ứng với kinh phí từ ngân sách nhà nước, không phải thực hiện thủ tục giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu và không phải bồi hoàn chi phí cho Nhà nước, trừ các trường hợp sau đây:

   a) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh mà tổ chức chủ trì không phải là cơ quan, đơn vị**,** doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà tổ chức chủ trì là pháp nhân nước ngoài, tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc phần góp vốn hoặc tổ chức có trụ sở chính đặt ở nước ngoài;

   c) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước đặt hàng và khi đặt hàng nhiệm vụ đã nêu rõ yêu cầu Nhà nước sẽ nắm giữ quyền quản lý, sử dụng kết quả nhiệm vụ để phục vụ lợi ích của Nhà nước, phổ biến rộng rãi phục vụ cộng đồng, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội.

   3. Đối với kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách nhà nước mà kết quả gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng hoặc gắn liền với tài sản thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân tham gia nhiệm vụ thì Nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng, sở hữu kết quả tương ứng với phần ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản tự động, không cần thực hiện giao quyền và không bồi hoàn chi phí cho Nhà nước.

Trường hợp không nhận quyền quản lý, sử dụng, sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu tài sản gắn liền với kết quả đó có trách nhiệm phối hợp với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ để xử lý.

   4. Tổ chức chủ trì thực hiện theo dõi riêng kết quả, không phải hạch toán chung vào tài sản, giá trị tài sản và vốn nhà nước tại tổ chức; không phải xác định nguyên giá, giá trị còn lại, khấu hao, hao mòn tài sản; được tự quyết định tiếp tục đầu tư nghiên cứu, phát triển, triển khai ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Chính phủ.

Đối với các kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước là vật mẫu, sản phẩm mẫu, tổ chức chủ trì được tự quyết định theo dõi riêng, bán, hủy hoặc tái sử dụng

5. Nhà nước thu hồi kết quả hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp cần thiết để phổ biến rộng rãi phục vụ cộng đồng, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội;

b) Trường hợp sau 03 năm kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tổ chức chủ trì không thực hiện triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ mà có tổ chức khác có nhu cầu để tiếp tục phát triển, ứng dụng.

6. Kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà có lưu trữ, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu chuyển xuyên biên giới thực hiện theo quy định của Luật Dữ liệu.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

###  **Kiểm soát chuyển giao kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài**

1. Tổ chức, cá nhân được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước có quyền chuyển giao kết quả đó theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc chuyển giao kết quả nghiên cứu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ lợi ích quốc gia và danh mục công nghệ hạn chế hoặc cấm chuyển giao ra nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

3. Kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển trong nước phải được công bố công khai trên nền tảng số quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và dành quyền tiếp cận ưu tiên cho tổ chức, cá nhân trong nước trong thời hạn tối thiểu 12 tháng trước khi chuyển giao ra nước ngoài.

4. Việc chuyển giao kết quả nghiên cứu cho tổ chức, cá nhân đối với các sản phẩm, dịch vụ mà có lưu trữ, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu chuyển xuyên biên giới theo quy định của Luật Dữ liệu.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này, bao gồm trình tự xây dựng danh mục công nghệ hạn chế hoặc cấm chuyển giao ra nước ngoài; cơ chế phối hợp liên ngành; quy trình công bố và theo dõi việc chuyển giao kết quả nghiên cứu ra nước ngoài.

###  **Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Đối với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước, chủ sở hữu kết quả tự quyết định việc thương mại hóa kết quả.

2. Đối với kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được tự chủ, tự quyết định: lựa chọn hình thức, phương án, giá, phân chia lợi nhuận thu được trong việc thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các hình thức bao gồm: cho thuê, bán, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng; kinh doanh dịch vụ; hợp tác, liên doanh, liên kết; tự khai thác sử dụng.

Trường hợp có hoạt động góp vốn từ kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì được tự quyết định: phương án góp vốn, xác định giá để góp vốn và tỷ lệ vốn góp, phân chia kết quả từ hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết.

3. Đối với kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng một phần ngân sách nhà nước, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được tự chủ, tự quyết định trong việc thỏa thuận để thống nhất với các chủ sở hữu khác để thực hiện tổ chức thương mại hóa theo quy định tại khoản 2 Điều này.

   4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ chịu trách nhiệm áp dụng các biện pháp để phòng, chống thất thoát, lãng phí; công khai minh bạch thông tin thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; báo cáo kết quả, hiệu quả thương mại hóa kết quả theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

   5. Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tổ chức chủ trì trong việc sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước nhằm phòng ngừa thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

###  **Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo**

1. Tổ chức trung gian, môi giới được hưởng một phần lợi nhuận thu được từ hoạt động thương mại hóa dựa trên giá trị của hợp đồng thương mại hóa hoặc theo thỏa thuận của các bên.

2. Đối với phần lợi nhuận thu được tương ứng với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình thương mại hóa, chủ sở hữu kết quả được tự quyết định việc xử lý lợi nhuận, bao gồm thưởng cho tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo (nếu có).

3. Đối với phần lợi nhuận thu được tương ứng với phần kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình thương mại hóa, tổ chức chủ trì nhiệm vụ sử dụng lợi nhuận sau thuế cho các mục đích sau đây:

a) Thưởng cho tác giả kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tối thiểu 30% lợi nhuận thu được từ việc cho thuê, bán, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng kết quả (trừ trường hợp để góp vốn, hợp tác, liên kết kinh doanh), tối thiểu 30% giá trị của kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định khi góp vốn, hợp tác, liên kết kinh doanh hoặc thành lập doanh nghiệp;

b) Thưởng cho cá nhân có đóng góp trực tiếp vào hoạt động tổ chức thương mại hóa theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này;

c) Tái đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;

d) Các hoạt động khác.

4. Trường hợp kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước là sáng chế, thiết kế bố trí, kiểu dáng công nghiệp và giống cây trồng được bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, tác giả được hưởng các quyền lợi theo quy định tại khoản 3 Điều này và còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

5.  Tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo là người trực tiếp tạo ra kết quả nghiên cứu đó; trong trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp tạo ra kết quả thì họ là đồng tác giả. Trong trường hợp có đồng tác giả, phần lợi nhuận thưởng cho tác giả là mức dành cho các đồng tác giả. Các đồng tác giả tự thỏa thuận việc phân chia số lợi nhuận nhận được.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **Chương III**

## **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

### **Nghiên cứu khoa học**

 1. Chính sách của Nhà nước về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu cơ bản:

 a) Nhà nước đầu tư cho nghiên cứu cơ bản để trở thành nền tảng của hệ thống khoa học và công nghệ quốc gia, giữ vai trò dẫn đường cho phát triển tri thức, hỗ trợ cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao tiềm lực và vị thế khoa học quốc gia và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong dài hạn;

 b) Nhà nước phát triển nghiên cứu cơ bản theo định hướng có trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt tập trung cho một số lĩnh vực khoa học có thế mạnh để đạt trình độ khu vực và quốc tế, hoặc các lĩnh vực công ích có tầm quan trọng chiến lược; thúc đẩy nghiên cứu cơ bản xuất phát từ nhu cầu hình thành từ quá trình triển khai nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ;

c) Nhà nước phân bổ nguồn lực cho nghiên cứu cơ bản tại các cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu theo nguyên tắc phù hợp với chức năng, thế mạnh của từng tổ chức và dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động. Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút nhân tài, hợp tác quốc tế, đảm bảo kinh phí cho hoạt động nghiên cứu và các hoạt động hỗ trợ nâng cao tiềm lực khác. Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tập huấn, thực tập, trao đổi học thuật, tài trợ hoạt động nghiên cứu, hỗ trợ tham gia hội nghị, công bố khoa học, phát triển tạp chí khoa học và các hoạt động liên quan khác

2. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động nghiên cứu ứng dụng:

 a) Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu ứng dụng nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm quốc phòng, an ninh;

 b) Nhà nước tập trung đầu tư cho các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực có nhu cầu cấp thiết, tiềm năng phát triển và khả năng áp dụng vào sản xuất, đời sống;

 c) Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ khác phối hợp với doanh nghiệp trong việc đề xuất, triển khai, ~~và~~ ứng dụng kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn.

3. Chính sách của Nhà nước đối với nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn:

a) Nhà nước chú trọng phát triển nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghiên cứu bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, con người và xã hội Việt Nam; góp phần tạo nền tảng phát triển kinh tế, văn hóa, con người;

b) Nhà nước thúc đẩy kết nối khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn với các lĩnh vực khác; ưu tiên cấp kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nội dung liên ngành, kết hợp giữa khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật với khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ mới;

c) Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tích hợp khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn nhằm đánh giá tác động xã hội, đạo đức, văn hóa và tâm lý của công nghệ mới đối với con người, cộng đồng;

d) Nhà nước khuyến khích thực hiện nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu thử nghiệm trong khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn nhằm đánh giá hiệu quả, tính khả thi và tác động thực tiễn của mô hình, giải pháp, chính sách trước khi áp dụng trên diện rộng;

đ) Nhà nước ưu tiên bố trí kinh phí và hỗ trợ kỹ thuật cho dự án nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn có định hướng giải quyết các vấn đề xã hội.

 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Phát triển công nghệ**

 1. Nhà nước xác định phát triển công nghệ là cầu nối giữa nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, đóng vai trò trung tâm trong việc chuyển hóa tri thức thành giá trị kinh tế - xã hội.

 2. Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghệ từ kết quả nghiên cứu khoa học, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích và các nguồn tri thức khác nhằm tạo ra, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ; nâng cao năng lực công nghệ nội sinh, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm, hàng hóa trong nước và khả năng ứng dụng trong sản xuất, đời sống.

 3. Nhà nước ưu tiên hỗ trợ phát triển công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ tạo ra sản phẩm lưỡng dụng, công nghệ có khả năng tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội.

 4. Nhà nước hỗ trợ phát triển công nghệ thông qua:

 a) Tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ;

 b) Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghiên cứu và phát triển công nghệ, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ trong một số lĩnh vực trọng điểm.

 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ**

1. Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho mục tiêu giải mã công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược, mua bí quyết công nghệ, tổ chức chủ trì được áp dụng cơ chế đặc biệt, bao gồm:

a) Sử dụng kinh phí cấp cho nhiệm vụ để chỉ định việc thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài và chi trả theo mức kinh phí thỏa thuận tại điểm g khoản 1 Điều 62 của Luật này;

b) Sử dụng kinh phí cấp cho nhiệm vụ để mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, mua trực tiếp bí quyết công nghệ.

c) Sản phẩm, thiết bị sau khi phân tích, giải mã được coi là vật tư tiêu hao và không tính trong giá trị tài sản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

d) Cơ chế đặc biệt khác.

2. Doanh nghiệp được sử dụng kinh phí từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ hoặc chi trực tiếp ngoài Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ.

Đối với các dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp nhà nước được áp dụng cơ chế đặc biệt, bao gồm:

a) Chỉ định việc thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài và chi trả theo mức kinh phí thỏa thuận;

b) Mua bí quyết công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài để phục vụ giải mã công nghệ, phát triển công nghệ chiến lược được thực hiện chỉ định nhà cung cấp và áp dụng hình thức đàm phán giá. Sản phẩm, thiết bị sau khi phân tích, giải mã được coi là vật tư tiêu hao và không tính trong giá trị tài sản của doanh nghiệp;

c) Triển khai nhiệm vụ, dự án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài để tiếp cận, làm chủ công nghệ;

d) Mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển; sáp nhập doanh nghiệp để sở hữu bí quyết công nghệ;

đ) Các chi phí cần thiết khác phục vụ nghiên cứu, tiếp cận, mua ~~các~~ bí quyết công nghệ, giải mã công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

###  **Thúc** **đẩy hợp tác, chia sẻ trong nghiên cứu khoa học**

1. Nhà nước khuyến khích chia sẻ dữ liệu, phương pháp, kết quả nghiên cứu khoa học, bao gồm cả việc sử dụng và phát triển công nghệ nguồn mở, bảo đảm minh bạch, dễ tiếp cận, đồng thời bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ dữ liệu cá nhân.Nhà nước xây dựng hạ tầng, tiêu chuẩn kỹ thuật để chia sẻ dữ liệu, công bố kết quả nghiên cứu khoa học, bảo đảm bảo mật thông tin, khả năng tương tác và tái sử dụng.

2. Doanh nghiệp, cộng đồng được khuyến khích tham gia sử dụng, đóng góp dữ liệu, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nguồn mở.

###  **Ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội**

1. Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước phải triển khai nội dung nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ để phục vụ xây dựng căn cứ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Dự án xây dựng thể chế, phát triển văn hóa, xã hội và con người phải triển khai nội dung nghiên cứu, phát triển khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn để phục vụ xây dựng căn cứ và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

# **Chương IV**

# **THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP VÀ NỀN KINH TẾ**

### **Thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm**

1. Nhà nước thúc đẩy phát triển toàn diện hệ thống đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, tổ chức trung gian, cơ quan nhà nước và người dân. Nhà nước thực hiện vai trò kiến tạo, định hướng thông qua việc hoàn thiện thể chế, thiết lập cơ chế tài chính phù hợp, bảo đảm môi trường thực thi thuận lợi.

2. Hệ thống đổi mới sáng tạo được hình thành ở các cấp bao gồm: cấp quốc gia, cấp ngành, cấp tỉnh.

3. Nhà nước khuyến khích và thúc đẩy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo thông qua các biện pháp sau đây:

a) Tài trợ nhiệm vụ tập trung vào triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

b) Tài trợ nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp;

c) Tài trợ nhiệm vụ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận và làm chủ công nghệ, đặc biệt là công nghệ có nguồn gốc từ nước ngoài;

d) Có chính sách ưu đãi về tài chính, thuế, đất đai, đấu thầu và tín dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa;.

đ) Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, tài trợ cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ;

e) Phát triển mô hình hợp tác công tư trong đầu tư xây dựng hạ tầng, cung cấp dịch vụ và thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực mới và có rủi ro cao.

 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định về hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

### **Khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng cường trang thiết bị trong doanh nghiệp**

1. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động này.

2. Chi phí trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chi phí mua sắm hoặc thuê trang thiết bị phục vụ hoạt động này, được tính vào chi phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển được tính tăng thêm một tỷ lệ % cụ thể so với chi phí thực tế của hoạt động này theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ chiến lược**

1. Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ, đầu tư, hợp tác và giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp Việt Nam để phát triển công nghệ chiến lược thông qua các phương thức sau đây:

a) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ chuyên biệt trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở thí nghiệm, nghiên cứu dùng chung;

b) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị cho cơ sở thí nghiệm, nghiên cứu dùng chung để thu hút doanh nghiệp cùng tham gia khai thác, vận hành;

c) Đặt hàng, giao nhiệm vụ, hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp triển khai dự án phát triển công nghệ chiến lược;

d) Cùng đầu tư với doanh nghiệp để thực hiện dự án công nghệ chiến lược theo phương thức đối tác công tư.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

###  **Bảo** **đảm quyền và cơ chế hỗ trợ đối với tổ chức ngoài công lập trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngoài công lập, bao gồm doanh nghiệp tư nhân, viện nghiên cứu tư nhân, tổ chức khoa học và công nghệ tư nhân, tổ chức phi lợi nhuận tư nhân và các tổ chức ngoài công lập khác (sau đây gọi chung là tổ chức ngoài công lập) được bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng với các chính sách, chương trình, nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của Luật này.

2. Tổ chức ngoài công lập được quyền:

a) Tham gia xét chọn, tuyển chọn, đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu được tạo ra từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức thực hiện theo cơ chế được quy định tại Luật này;

c) Tiếp cận, thuê, sử dụng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, thiết bị khoa học công lập và tài sản công trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng;

d) Hưởng chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai, đầu tư mạo hiểm, tiếp cận sàn giao dịch công nghệ và các ưu đãi khác như đối với tổ chức công lập;

3. Tổ chức ngoài công lập được tham gia hợp tác với tổ chức công lập trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Việc hợp tác được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, phân chia lợi ích và rủi ro phù hợp với mức độ đóng góp của các bên.

###  **Thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo**

1. Văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo là một hệ thống khuôn mẫu, chuẩn mực hành vi, quy tắc, niềm tin, thói quen, cách nhận thức, phương pháp và có ảnh hưởng đến hành động của tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

2. Nhà nước thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thông qua các chính sách, chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy và lan tỏa nhận thức, xây dựng, phổ biến khuôn mẫu hành vi, tổ chức sự kiện, trình diễn, giải thưởng về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện hoạt động phát triển, chuyển giao, đổi mới công nghệ, có năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ và mang lại hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.

2.  Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; ưu tiên sử dụng trang thiết bị nghiên cứu, phát triển tại phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo; được hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại.

3. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động và kết quả thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

4. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ và quy định chi tiết Điều này.

### **Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương**

1. Chính phủ thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia để đầu tư, cùng đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư vào quỹ khác cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước và được quyền nhận tài trợ, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác mà không làm tăng vốn điều lệ của quỹ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện về nguồn lực, nhu cầu thực tiễn, quyết định việc thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương để đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo địa phương. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước và được quyền nhận tài trợ, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác mà không làm tăng vốn điều lệ của quỹ.

3. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc thị trường, minh bạch, chấp nhận rủi ro có kiểm soát, trong đó tổng mức tổn thất phát sinh từ hoạt động đầu tư không vượt quá ngưỡng rủi ro đã được xác định trong chiến lược đầu tư hoặc kế hoạch đầu tư, trên cơ sở tổng thể danh mục đầu tư và trong một chu kỳ đầu tư xác định được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Chính phủ. Quỹ không áp dụng yêu cầu bảo toàn vốn theo từng năm tài chính, theo từng dự án, nhiệm vụ cụ thể.

4. Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, địa phương được hợp tác, thuê tổ chức, cá nhân chuyên nghiệp quản lý, điều hành; có cơ chế hợp tác, phối hợp sử dụng hiệu quả nguồn lực, chuyên gia của các quỹ trong nước, quốc tế; có cơ chế giám sát và đánh giá độc lập về rủi ro, hiệu quả đầu tư, tác động xã hội, hiệu quả thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân; có nghĩa vụ công bố báo cáo định kỳ, giải trình, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước.

5. Tổ chức, cá nhân quản lý, điều hành quỹ đầu tư mạo hiểm được miễn trừ trách nhiệm dân sự, hành chính, hình sự liên quan đến tổn thất đầu tư, nếu tổn thất phát sinh do rủi ro khách quan và đã tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc đầu tư, quy định nội bộ của quỹ và nghĩa vụ minh bạch, trung thực trong quá trình ra quyết định đầu tư.

6. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập, cơ cấu tổ chức, hoạt động, quản lý, cơ cấu tỷ lệ phần vốn từ ngân sách nhà nước, sử dụng vốn, cơ chế giám sát đối với quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, địa phương và quy định chi tiết Điều này.

###  **Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán chuyên biệt cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

1. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con được tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán chuyên biệt cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thông qua một phân bảng chuyên biệt giao dịch, niêm yết chứng khoán của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

2. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán chuyên biệt khi đáp ứng điều kiện về năng lực công nghệ, tài chính, quản trị, tăng trưởng, minh bạch thông tin, định giá doanh nghiệp.

3. Đối tượng tham gia thị trường giao dịch chứng khoán chuyên biệt cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo bao gồm nhà đầu tư chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật về chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, quỹ đầu tư mạo hiểm địa phương, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức tài chính và quỹ đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân cho khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận và các đối tượng khác theo quy định của Chính phủ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# **Chương V**

# **XÂY DỰNG TIỀM LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

## **Mục 1**

## **TỔ CHỨC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

### **Phát triển các tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Nhà nước thúc đẩy phát triển các tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, không phân biệt công lập hay ngoài công lập; ưu tiên nguồn lực phát triển tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm quốc gia, có vai trò, nhiệm vụ dẫn dắt đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo quan trọng của đất nước.

2. Chính phủ quy định chi tiết về các loại hình tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

### **Tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Hình thức của tổ chức khoa học và công nghệ được quy định như sau:

a) Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm và hình thức khác do Chính phủ quy định;

b) Cơ sở giáo dục đại học được thành lập theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học; bệnh viện được thành lập theo quy định của pháp luật về y tế;

c) Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức trung tâm, văn phòng và hình thức khác do Chính phủ quy định.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động, mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Có nhân lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng và điều lệ tổ chức và hoạt động;

c) Đối với tổ chức có vốn nước ngoài, có mục đích, nội dung, lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quốc phòng, an ninh, yêu cầu phát triển của Việt Nam và được cho phép đặt trụ sở làm việc tại Việt Nam.

3. Cá nhân được thành lập, góp vốn thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trong một số lĩnh vực theo quy định.

4. Tổ chức được thành lập đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ sau khi tiến hành đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện được thành lập theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học, pháp luật về y tế, trong chức năng nhiệm vụ quy định bởi cấp có thẩm quyền có chức năng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

6. Tổ chức khoa học và công nghệ có các quyền sau đây:

a) Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo phạm vi được cấp giấy chứng nhận; được phép đăng ký kinh doanh; được hoạt động trong các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trực thuộc, văn phòng đại diện và chi nhánh ở trong nước, nước ngoài có phạm vi hoạt động phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

c) Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ, góp vốn bằng tiền, tài sản, quyền sở hữu trí tuệ để hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

d) Chuyển đổi thành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

đ) Là đối tượng ưu tiên hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập, thuế nhập khẩu;

e). Được hỗ trợ sử dụng hạ tầng khoa học và công nghệ được đầu tư từ ngân sách nhà nước.

7. Tổ chức khoa học và công nghệ có các nghĩa vụ sau đây :

a) Thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo đúng lĩnh vực đã được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Bảo đảm duy trì đáp ứng các điều kiện của tổ chức khoa học và công nghệ trong suốt quá trình hoạt động;

c) Thực hiện các yêu cầu về quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Thực hiện trách nhiệm phổ biến tri thức, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Cập nhật thông tin tình hình, kết quả hoạt động hằng năm trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

8. Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ và quy định chi tiết Điều này.

### **Trách nhiệm của cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ**

         1. Kiểm tra, giám sát để đảm bảo tổ chức khoa học và công nghệ tuân thủ đầy đủ các điều kiện thành lập và hoạt động theo đúng lĩnh vực đã được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

         2. Đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ làm cơ sở xác định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước, điều chỉnh, đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động.

3. Chịu trách nhiệm thực hiện việc sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền sau khi xử lý các khoản nợ.

### **Tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập là tổ chức khoa học và công nghệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập và quản lý.

2. Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ kinh phí hoạt động, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trừ cơ sở giáo dục đại học được có nhân sự đồng cơ hữu với cơ sở giáo dục đại học.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được cử viên chức tham gia điều hành doanh nghiệp, làm việc định kỳ tại doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù**

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù là tổ chức khoa học và công nghệ công lập được áp dụng cơ chế đặc thù riêng về tài chính, tổ chức bộ máy, biên chế và nhân sự theo quy định của Chính phủ.

2. Tổ chức khoa học và công lập đặc thù quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tổ chức do cơ quan có thẩm quyền thành lập trên cơ sở văn bản hợp tác với các tổ chức quốc tế, các quốc gia để trực tiếp thực hiện hoặc hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực Việt Nam ưu tiên đầu tư.

b) Trung tâm, viện nghiên cứu xuất sắc được thành lập để tập hợp các chuyên gia, các nhà khoa học trong nước, nhà khoa học là người Việt Nam sống ở nước ngoài và nhà khoa học nước ngoài đến làm việc kiêm nhiệm hoặc biệt phái.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo**

1. Trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia được xác định dựa trên tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực, năng lực thực hiện, mục tiêu, kết quả hoạt động.

2. Các loại hình tổ chức có hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền công nhận để làm căn cứ áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; ưu tiên sử dụng trang thiết bị nghiên cứu, phát triển tại phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo; được hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại; được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động và kết quả thụ hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trừ cơ sở giáo dục đại học và bệnh viện;

2. Trung tâm đổi mới sáng tạo công lập;

3. Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo công lập;

4. Tổ chức khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập để cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

## **Mục 2**

## **PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

### **Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: cá nhân quản lý, trực tiếp thực hiện hoặc hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

### **Chức danh khoa học, chức danh công nghệ**

1. Chức danh khoa học, chức danh công nghệ là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng của cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tham gia giảng dạy, đào tạo đại học, sau đại học đ­ược xét công nhận và bổ nhiệm chức danh giáo s­ư, phó giáo sư theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học.

3. Ng­ười có học vị tiến sĩ hoặc có công trình xuất sắc, giải thưởng cao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

###  **Quyền của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Tự do sáng tạo, bình đẳng trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Được cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác giao nhiệm vụ, trang bị phương tiện và tạo điều kiện làm việc phù hợp.

3. Được tham gia tư vấn, đề xuất ý kiến về chính sách, pháp luật, chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Hợp tác với tổ chức, cá nhân khác để hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ký kết hợp đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Được tiếp cận thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Được tham gia tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; được tham gia hội, hiệp hội khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Được tham gia hoạt động đào tạo, tư vấn, hội nghị, hội thảo khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

8. Được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ theo quy định của Luật này.

9. Được khen thưởng, hưởng quyền lợi, quyền ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Đóng góp trí tuệ, tài năng vào sự nghiệp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Tuân thủ các quy định về liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Thực hiện trách nhiệm truyền thông, phổ biến tri thức, kết quả, thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho cộng đồng.

4. Không cung cấp, công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ trái với quy định của tổ chức nơi làm việc chính thức, trái với thỏa thuận với tổ chức đầu tư, tài trợ.

5. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Tổng công trình sư về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc giao tổng công trình sư là người có uy tín, kinh nghiệm, năng lực vượt trội để chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ sau đây:

a) Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt;

b) Chương trình khoa học và công nghệ phát triển công nghệ chiến lược;

c) Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác có quy mô lớn, ý nghĩa đặc biệt, có tính liên ngành, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Chính phủ.

2. Trong quá trình thực hiện chương trình, nhiệm vụ được giao, tổng công trình sư có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình duyệt và chịu trách nhiệm về kiến trúc tổng thể, lộ trình công nghệ;

b) Quyết định các vấn đề kỹ thuật, công nghệ chiến lược, giải quyết các vướng mắc kỹ thuật phức tạp;

c) Phê duyệt các thay đổi thiết kế lớn;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn cho người đứng đầu các chương trình, nhiệm vụ, hợp phần (nếu có) và các đơn vị liên quan;

đ) Quyền tiếp cận thông tin đầy đủ, yêu cầu giải trình;

e) Quyền bảo lưu ý kiến chuyên môn và báo cáo trực tiếp lên cấp cao nhất khi có khác biệt trọng yếu;

g) Tham gia thẩm định, đánh giá các đề xuất, dự án liên quan;

h) Chịu trách nhiệm cá nhân toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền về kết quả kỹ thuật, công nghệ của chương trình, nhiệm vụ.

3. Thẩm quyền và quy trình lựa chọn tổng công trình sư do Chính phủ quy định.

4. Tổng công trình sư ngoài được hưởng ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều 55 của Luật này còn được hưởng các ưu đãi sau đây trong quá trình thực hiện chương trình, nhiệm vụ được giao:

a) Hưởng lương, phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo thỏa thuận; được bố trí nhà ở công vụ theo quy định pháp luật về nhà ở; được bố trí phương tiện đi lại công vụ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm an sinh xã hội cho tổng công trình sư và gia đình;

b) Được đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều động nhân lực khoa học và công nghệ, các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thực hiện nhiệm vụ; Được chủ động lựa chọn, điều động, sử dụng nhân lực trong phạm vi chương trình, nhiệm vụ; thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài và chi trả theo mức kinh phí thỏa thuận;

c) Chủ động quyết định sử dụng kinh phí, nguồn lực được giao bao gồm cả kinh phí để mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, mua trực tiếp bí quyết công nghệ

d) Được tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí tham quan, khảo sát, trao đổi khoa học với nhà khoa học quốc tế để cập nhật công nghệ mới;

5. Trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, việc xét công nhận tổng công trình sư theo quy định của pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp. Tổng công trình sư trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật này và Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

 1. Nhà nước có chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm cả chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, cụ thể:

 a) Nhà nước ưu tiên giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là nhiệm vụ phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược cho tổ chức, doanh nghiệp thu hút được nhân tài tham gia thực hiện;

 b) Ngoài các chính sách ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều 55 của Luật này, Nhà nước có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua ưu đãi tài chính, ưu đãi phi tài chính, ưu đãi về điều kiện làm việc. Nhà nước tạo cơ hội phát triển sự nghiệp lâu dài, thu hút nhân tài từ nước ngoài; bảo đảm an sinh xã hội cho nhân tài và gia đình;

c) Nhà nước thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực, nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết hợp với xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn.

2. Nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là cá nhân có năng lực đặc biệt, có đóng góp đột phá hoặc có tầm ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực trên phạm vi quốc gia hoặc quốc tế, đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Có bằng sáng chế, giải pháp hữu ích được công nhận trong nước hoặc quốc tế; đạt giải thưởng khoa học, công nghệ uy tín trong nước hoặc quốc tế; có công bố nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế hàng đầu hoặc trong các hội nghị quốc tế chuyên ngành;

b) Có sản phẩm, mô hình, giải pháp hoặc dịch vụ mới, đột phá được ứng dụng thực tiễn, mang lại giá trị lớn cho phát triển kinh tế, xã hội hoặc bảo vệ môi trường;

c) Đã chủ trì dự án trọng điểm quốc gia, quốc tế hoặc dự án khởi nghiệp sáng tạo đột phá.

3. Nhà nước có chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài, cụ thể như sau:

a) Được khuyến khích tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam;

b) Trong thời gian làm việc tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Luật này và được hưởng ưu đãi về thu nhập, điều kiện làm việc, về xuất nhập cảnh, cư trú, nhà ở và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

c) Chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài có cống hiến lớn đối với sự nghiệp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam được Nhà nước Việt Nam vinh danh, khen thưởng, tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam.

4. Việc xác định nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện thông qua tiêu chí và minh chứng cụ thể, không cần thủ tục công nhận danh hiệu chính thức. Trên cơ sở tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ đề xuất áp dụng chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Ưu đãi đối với cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; được ưu tiên trong bổ nhiệm, tuyển dụng, bố trí vị trí việc làm, thu nhập, thuế thu nhập cá nhân, lao động, nhà ở, xuất nhập cảnh, cư trú và cấp giấy phép lao động.

2. Tổng công trình sư được ưu đãi theo quy định tại khoản 4 Điều 53 của Luật này.

3. Nhân tài được ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 54 của Luật này.

4. Nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ được xem xét tài trợ hoạt động nghiên cứu từ ngân sách nhà nước.

5. Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng được ưu tiên hỗ trợ nâng cao trình độ ở nước ngoài, chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, và giao kinh phí hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực chuyên môn.

6. Nhà khoa học xuất sắc có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được xem xét tài trợ kinh phí để chủ động thực hiện ý tưởng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có tính đột phá, tiềm năng ứng dụng cao, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Danh hiệu vinh dự Nhà nước, khen thưởng và giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phong, tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng và các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài được đặt và tặng giải thưởng nhằm khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam theo quy định pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân được nhận danh hiệu, giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình và nhu cầu động viên, khen thưởng trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình, để xét, tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tập thể, cá nhân có kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo xuất sắc.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

###  **Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư, chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo**

1. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ, nhà đầu tư cá nhân cho khởi nghiệp sáng tạo có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền công nhận là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật và chính sách hỗ trợ của chương trình, đề án hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

2.  Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; ưu tiên sử dụng trang thiết bị nghiên cứu, phát triển tại các phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo; được hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại.

3. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động và kết quả thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, điều kiện công nhận trên cơ sở năng lực triển khai dự án khởi nghiệp sáng tạo của cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; kinh nghiệm, năng lực chuyên môn của chuyên gia hỗ trợ; kinh nghiệm, năng lực tài chính của nhà đầu tư cá nhân cho khởi nghiệp sáng tạo và quy định chi tiết Điều này.

###  **Viên chức tham gia góp vốn, làm việc, quản lý, điều hành tại doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu**

1. Viên chức, viên chức quản lý làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức thành lập hoặc tham gia thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu do tổ chức đó tạo ra, khi được sự đồng ý của người đứng đầu tổ chức; được định kỳ cử sang làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp trong thời gian nhất định để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực, nắm bắt nhu cầu công nghệ, đồng thời được giữ nguyên chế độ lương, quy hoạch, bổ nhiệm, thi đua khen thưởng.

2. Trường hợp viên chức quản lý là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập thì phải được sự đồng ý của cấp trên quản lý trực tiếp.

## **Mục 3HẠ TẦNG CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

### **Xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Nhà nước đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, duy trì và vận hành cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó tập trung phát triển các thư viện chuyên ngành, bảo tàng chuyên ngành, trung tâm nghiên cứu, trung tâm thử nghiệm, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược.

Phương thức đầu tư hạ tầng phát triển công nghệ chiến lược thực hiện theo quy định tại điểm a, b và d khoản 1 Điều 36 của Luật này.

2. Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung trong một số lĩnh vực để phục vụ đào tạo, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo.

3. Tổ chức quản lý các cơ sở vật chất tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm:

a) Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng chung;

b) Công khai danh mục thiết bị, tư liệu và tổ chức sử dụng trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

c) Công khai chi phí liên quan, báo cáo định kỳ về hiệu quả sử dụng.

4. Tổ chức quản lý cơ sở vật chất tại khoản 2 Điều này có thể thu phí dịch vụ dựa trên chi phí thực tế, bao gồm bảo trì, sửa chữa, vận hành và khấu hao, theo định mức kinh tế - kỹ thuật được công bố công khai.

5. Nhà nước khuyến khích phát triển các cụm, khu nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo tập trung bao gồm: các khu công nghệ cao, công viên khoa học, cụm đổi mới sáng tạo nhằm tập trung các tổ chức liên kết hoạt động nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, sản xuất, kinh doanh.

6. Nhà nước đầu tư xây dựng, phát triển, tham gia khai thác hạ tầng, mạng lưới, hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo ở trong nước và tại nước ngoài để kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia với quốc tế.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư hạ tầng thông tin, nguồn tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 19 của Luật này để phục vụ nghiên cứu, quản lý, hoạch định chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Nhà nước đầu tư, hỗ trợ tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thu thập, xử lý, quản lý và phổ biến thông tin, tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ sở dữ liệu mở phục vụ cộng đồng.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tài trợ và tham gia các hoạt động được
quy định khoản 1 và khoản 2 Điều này.

## **Mục 4**

## **TÀI CHÍNH CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

###  **Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ****, đổi mới sáng tạo**

1. Nhà nước đảm bảo chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước trong nguồn tổng chi tối thiểu 3% ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ.

 2. Ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được sử dụng có trọng tâm, trọng điểm, gắn với kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, theo nguyên tắc đề cao trách nhiệm của các cơ quan ở trung ương và địa phương.

3. Nhà nước có chính sách hỗ trợ một phần ngân sách nhà nước nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Nội dung chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Ngân sách Nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được sử dụng cho:

a) Chi đầu tư phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, tuyển chọn hoặc hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện;

c) Chi cho hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo; nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và phát triển tài sản trí tuệ;

d) Chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

đ) Chi thực hiện nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập ngoài phạm vi dự toán thường xuyên quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

e) Chi hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

g) Chi thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút, sử dụng, đãi ngộ cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;

h) Chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ đầu tư mạo hiểm; chi quản lý và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, địa phương;

i) Chi cho hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

k) Các nội dung chi khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công bảo đảm phù hợp với chiến lược và mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của từng giai đoạn.

2. Việc lập dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bao gồm dự toán chi đầu tư phát triển, dự toán chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;

b) Được lập theo các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật này theo tổng mức cơ cấu và tỷ lệ phân bổ do cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đề xuất;

c) Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các bộ, ngành, địa phương;

d) Dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng thực hiện gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới trên cơ sở số nhiệm vụ dự kiến và kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ trong các năm trước được xác định theo từng loại hình nhiệm vụ, tăng thêm khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát;

đ) Lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện hằng năm, trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến do cơ quan chủ quản xác định và dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện, có tính đến điều kiện năng lực nhân lực, cơ sở vật chất và lĩnh vực chuyên môn của tổ chức. Việc lập dự toán giai đoạn năm tiếp theo được xác định trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức trong giai đoạn trước liền kề. Dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới trên cơ sở số nhiệm vụ dự kiến và kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ trong các năm trước, tăng thêm khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát;

e) Dự toán kinh phí hằng năm từ nguồn kinh phí đầu tư phát triển khác được lập trên cơ sở căn cứ vào quyết định phê duyệt nhiệm vụ, tiến độ giải ngân và kết quả hạng mục công việc đã được kiểm tra, đánh giá, các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch chi đầu tư phát triển khác hằng năm, bao gồm danh mục, mức vốn bố trí chi từng chương trình, nhiệm vụ, dự án gửi về cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tổng hợp.

3. Việc phân bổ ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở từng cấp; gắn với kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trung hạn, hằng năm, định hướng công nghệ ưu tiên và các chương trình trọng điểm đã được phê duyệt;

b) Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ, chương trình có quy mô lớn, tính liên ngành, liên vùng, khả năng phối hợp công - tư và tạo hiệu ứng lan tỏa công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ mới nổi có ý nghĩa quyết định đến năng lực cạnh tranh quốc gia;

c) Phân bổ ngân sách được thực hiện trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, hiệu quả sử dụng ngân sách trong các giai đoạn trước và khả năng đóng góp thực tế của nhiệm vụ, chương trình, dự án vào mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc đánh giá gắn với trách nhiệm giải trình của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

d) Bảo đảm công khai, minh bạch;

đ) Kinh phí cho việc Nhà nước tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giao về các Quỹ quy định tại Điều 64 và Điều 65 của Luật này được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản của các quỹ tại Kho bạc Nhà nước;

e) Phần ngân sách không phân bổ qua quỹ được giao dự toán trực tiếp cho đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định pháp luật.

4. Quản lý và sử dụng ngân sách:

a) Ngân sách phải được sử dụng với mục tiêu đảm bảo hiệu quả tổng thể, tiến độ giải ngân, gắn với trách nhiệm trực tiếp, toàn diện của đơn vị sử dụng ngân sách, có sự giám sát, kiểm tra, đánh giá thường xuyên của cơ quan có thẩm quyền;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện, kết quả, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; lưu trữ đầy đủ chứng từ và giải trình khi cơ quan chức năng yêu cầu;

c) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được chi theo ủy nhiệm chi của tổ chức chủ trì; quyết toán sau khi hoàn thành hợp đồng, không phụ thuộc vào năm tài chính; thực hiện quyết toán ngân sách hằng năm theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực chi đã được kho bạc nhà nước nơi tổ chức chủ trì xác nhận;

d) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên tổ chức khoa học và công nghệ công lập để đảm bảo hoàn thành các kết quả đầu ra cam kết theo dự toán ngân sách được giao hằng năm.

5. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu thực hiện như sau:

a) Việc khoán chi đến sản phẩm cuối cùng được áp dụng khi tổ chức chủ trì có cam kết đạt được các sản phẩm là kết quả cuối cùng của nhiệm vụ. Khi áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, tổ chức chủ trì được tự chủ, tự quyết định việc sử dụng kinh phí, được điều chỉnh giữa các khoản mục chi, nội dung chi, quyết toán tổng số kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mục chi khoán khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

b) Việc khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu, tổ chức chủ trì được tự chủ sử dụng kinh phí khoán, trừ kinh phí chi mua tài sản trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ, thuê dịch vụ thuê ngoài chưa có tiêu chuẩn, định mức và đoàn đi công tác nước ngoài. Tổ chức chủ trì được quyền điều chỉnh các nội dung chi trong cùng loại hình chi;

c) Tổ chức chủ trì được sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo thỏa thuận; chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, lưu trữ chứng từ và giải trình khi được yêu cầu. Kinh phí chi cho công lao động phải nhập vào nguồn thu của tổ chức chủ trì để trả cho cá nhân trực tiếp tham gia nhiệm vụ, hỗ trợ nhiệm vụ và những nội dung thuê khoán chuyên môn khác, trừ những khoản chi cho cá nhân không thuộc tổ chức chủ trì.

6. Quyết toán ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia**

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân để thực hiện tài trợ, đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

2. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp hằng năm từ ngân sách nhà nước, từ các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Quỹ thực hiện chức năng: hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ; hỗ trợ các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

3. Việc lập kế hoạch và xác định tổng ngân sách nhà nước cấp hằng năm cho các quỹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không tính đến khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân. Việc sử dụng khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân cho nhiệm vụ của quỹ thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp, hiến, tặng (nếu có). Tại thời điểm kết thúc năm ngân sách, khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng không sử dụng hết thì tiếp tục giữ lại quỹ để sử dụng, không phải nộp lại ngân sách nhà nước.

4. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia không phải là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

###  **Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tùy theo tình hình thực tế thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của địa phương; hỗ trợ các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

2. Nguồn kinh phí của quỹ được cấp hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Việc lập kế hoạch và xác định tổng ngân sách nhà nước cấp hằng năm cho quỹ không tính đến khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân. Việc sử dụng khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân cho nhiệm vụ của quỹ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp, hiến, tặng (nếu có). Tại thời điểm kết thúc năm ngân sách, khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng không sử dụng hết thì tiếp tục giữ lại quỹ để sử dụng, không phải nộp lại ngân sách nhà nước.

4. Kết quả hoạt động của Quỹ phải được định kỳ đánh giá dựa trên hiệu quả phục vụ các mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, khả năng đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phát triển các ngành, lĩnh vực.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan, đơn vị hiện có trong hệ thống tổ chức của mình để thực hiện nhiệm vụ điều hành Quỹ, chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị điều hành Quỹ bảo đảm việc giải ngân và sử dụng ngân sách nhà nước đã cấp đúng tiến độ và có hiệu quả.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

###  **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp**

1. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được phép trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được nhận khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện, hiến, tặng.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để:

a) Trực tiếp thực hiện, đặt hàng hoặc thuê thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; nghiên cứu, xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp;

c) Tổ chức nghiên cứu, thuê nghiên cứu tại nước ngoài không phải thông qua dự án đầu tư;

d) Thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Doanh nghiệp, tổ chức đơn vị sự nghiệp chỉ được sử dụng tối đa 5% thu nhập tính thuế hằng năm cho nội dung quy định tại điểm này.

3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược theo cơ chế đặc biệt quy định tại Điều 18 của Luật này.

4. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

         5. Việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư, cùng đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

         a) Bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, quản lý rủi ro tài chính, phòng ngừa xung đột lợi ích;

         b) Hiệu quả đầu tư được xem xét trên cơ sở đánh giá tổng thể, trong dài hạn, không áp dụng yêu cầu bảo toàn vốn hằng năm và không áp dụng đánh giá theo từng dự án, nhiệm vụ cụ thể;

         c) Tổng mức đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo không vượt quá ngưỡng rủi ro đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư của Quỹ, được xác định trên cơ sở tổng thể danh mục đầu tư hoặc trong một chu kỳ đầu tư xác định;

         d) Có cơ chế theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả đầu tư, kịp thời xử lý rủi ro, tổn thất nếu có phát sinh.

6. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân quản lý, sử dụng Quỹ được miễn trừ trách nhiệm dân sự, hành chính, hình sự liên quan đến tổn thất đầu tư khi thực hiện hoạt động đầu tư nêu tại khoản 5 Điều này trong trường hợp phát sinh tổn thất mặc dù đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư và công khai, minh bạch, trung thực trong quá trình ra quyết định đầu tư.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Chính sách hỗ trợ tín dụng đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Tổ chức vay vốn để đầu tư vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được ưu tiên xem xét hỗ trợ lãi suất vay từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

### **Ưu đãi trong đấu thầu đối với sản phẩm, hàng hóa, công nghệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Sản phẩm công nghệ cao được sản xuất bởi doanh nghiệp công nghệ cao hoặc doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao được công nhận theo pháp luật về công nghệ cao; sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước được ưu đãi theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Hỗ trợ kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm:

a) Nhà nước hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao để thực hiện thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm để thực hiện mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Doanh nghiệp có công nghệ, sản phẩm công nghệ mới được xem xét tài trợ toàn bộ chi phí kiểm định, chứng nhận tiêu chuẩn kỹ thuật từ ngân sách nhà nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Chi phí của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo**

1. Chi phí của doanh nghiệp cho việc tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# **CHƯƠNG VI**

# **HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

### **Nguyên tắc hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Tích cực, chủ động hội nhập trên cơ sở bảo đảm độc lập, chủ quyền an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi; tham gia giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ toàn cầu.

2. Đa dạng hóa, đa phương hóa hợp tác, đầu tư với nước ngoài; bảo đảm ngân sách, cơ chế tài chính phù hợp để tham gia các hoạt động hội nhập.

3. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo chuẩn mực quốc tế và gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, nhất là các quốc gia có hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển; tận dụng nguồn lực quốc tế để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đối với công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

5. Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ của các bên tham gia hợp tác quốc tế được bảo vệ thông qua các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

### **Hoạt động hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Tham gia xây dựng, định hình các cơ chế hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khu vực và quốc tế.

2. Tham gia các tổ chức, hiệp hội khu vực và quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Tham gia với các tổ chức nước ngoài, quốc tế trong việc thành lập tổ chức, triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chung.

4. Thu hút, thuê chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài.

5. Tìm kiếm, chuyển giao công nghệ tiên tiến của nước ngoài; quảng bá kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo ra nước ngoài.

6. Phát triển mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài.

### **Thúc đẩy hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Nhà nước tài trợ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo hình thức hợp tác song phương, đa phương, chuyển giao công nghệ.

2. Kinh phí tài trợ, đặt hàng nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo trong các hoạt động hợp tác quốc tế được sử dụng theo quy định của tổ chức cấp kinh phí, đồng thời bảo đảm không vi phạm pháp luật Việt Nam.

3. Nhà nước đóng góp vào quỹ nghiên cứu chung với các quốc gia, tổ chức quốc tế theo hiệp định, thỏa thuận đã ký kết.

4. Nhà nước hỗ trợ pháp lý và tư vấn cho các tổ chức, cá nhân tham gia hợp tác quốc tế để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến chuyển giao công nghệ.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# **Chương VII**

# **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

###  **Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của các luật có liên quan**

1. Bổ sung Điều 6a sau Điều 6 Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2014/QH13 và Luật số 32/2013/QH13 như sau:

“**Điều 6a. Công nghệ chiến lược**

1. Công nghệ chiến lược là công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và đáp ứng một trong các điều kiện hoặc tạo ra sự phát triển đột phá, phát triển chất lượng cao về kinh tế - xã hội hoặc đóng vai trò nền tảng cho các ngành công nghiệp, dịch vụ hoặc có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh.

2. Sản phẩm công nghệ chiến lược là sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, được hình thành từ công nghệ chiến lược. Sản phẩm công nghệ chiến lược đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có tỷ lệ nội địa hóa cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm;

b) Đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế dựa trên các yếu tố về vốn, lao động và năng suất tổng hợp;

c) Có tác động lan tỏa, tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội hoặc quốc phòng, an ninh.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược.

4. Nhà nước dành một tỷ lệ ngân sách nhà nước đảm bảo chi cho các hoạt động công nghệ chiến lược, bao gồm cả chương trình khoa học và công nghệ phát triển chiến lược.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ 07/2017/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“**Điều 38. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia**

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.”.

b) Bổ sung Điều 21a sau Điều 21 như sau:

**“Điều 21a. Thẩm định, chuyển giao công nghệ trong trường hợp đặc thù**

1. Thẩm định công nghệ trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư nhằm ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh.

2. Trong gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế để thực hiện dự án quan trọng quốc gia, hồ sơ mời thầu phải có điều kiện cam kết của tổng thầu, nhà thầu nước ngoài về việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam. Việc chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định của Luật này.

3. Căn cứ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định một số dự án đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư phải chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39 như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam; tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, giải mã công nghệ, đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp.”

3. Bổ sung khoản 18, 19, 20 sau khoản 17 Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 như sau:

“18. Các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.

19. Các khoản thu nhập từ quyền tác giả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo khi kết quả nhiệm vụ được thương mại hóa theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về sở hữu trí tuệ.

20. Thu nhập của nhà đầu tư cá nhân, chuyên gia làm việc cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, sáng lập viên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.”.

4. Bổ sung điểm m khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15 như sau:

 “m) Sử dụng đất để xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm, đất xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng dùng chung để hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí số 103/2016/QH13, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học; tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện theo quy định của Luật khoa học và công nghệ; bệnh viện cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên được thành lập cơ quan tạp chí khoa học.

Cơ quan tạp chí khoa học được xuất bản nhiều tạp chí khoa học.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Cơ quan báo chí hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp có thu.

Cơ quan tạp chí khoa học hoạt động phù hợp với loại hình của cơ quan chủ quản.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 23 như sau:

“c) Có thẻ nhà báo còn hiệu lực. Người đứng đầu cơ quan báo chí thuộc các tổ chức tôn giáo, cơ quan tạp chí khoa học không áp dụng tiêu chuẩn này;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 27 như sau:

“c) Đối với trường hợp cấp thẻ lần đầu, phải có thời gian công tác liên tục tại cơ quan báo chí đề nghị cấp thẻ từ 02 năm trở lên tính đến thời điểm xét cấp thẻ, trừ tổng biên tập của cơ quan tạp chí khoa học và những trường hợp khác theo quy định của pháp luật;”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 83a Luật Xây dựng số 43/VBHN-VPQH, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 45/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15 như sau:

“b) Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, trừ trường hợp thiết kế xây dựng có giải pháp thiết kế, công nghệ là kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và phải đảm bảo không làm thay đổi về công năng sử dụng công trình và mục tiêu đầu tư của dự án”.

7. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 86 như sau:

 “b) Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả dưới hình thức giao việc, thuê việc, tổ chức, cá nhân được giao quản lý nguồn gen cung cấp nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen theo hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 135 như sau:

“ 1. Chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả theo thỏa thuận; trường hợp không có thỏa thuận thì mức thù lao trả cho tác giả quy định như sau:

a) Trường hợp chủ sở hữu tự mình sử dụng đối tượng này trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, 10% lợi nhuận trước thuế thu được tương ứng với giá trị mà sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đóng góp vào sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đó;

b) Trường hợp chủ sở hữu chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng này, 15% tổng số tiền mà chủ sở hữu nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán từ việc chuyển giao trước khi nộp thuế theo quy định.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 135 như sau:

“3. Trong trường hợp sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí có đồng tác giả, mức thù lao theo quy định tại khoản 1 Điều này là mức dành cho các đồng tác giả. Các đồng tác giả tự thỏa thuận việc phân chia số tiền thu lao do chủ sở hữu chi trả.”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 164 như sau:

“b. Tổ chức, cá nhân đầu tư cho tác giả chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng dưới hình thức giao việc, thuê việc, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 191 như sau:

“a) 10% lợi nhuận trước thuế mà chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng thu được do tự mình sử dụng giống cây trồng được bảo hộ để sản xuất, kinh doanh giống cây trồng đó;”;

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 191 như sau:

“3. Trong trường hợp giống cây trồng có đồng tác giả, mức thù lao quy định tại khoản 1 Điều này là mức dành cho các đồng tác giả; các đồng tác giả tự thỏa thuận việc phân chia số tiền thù lao do chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng chi trả”;

g) Bãi bỏ Điều 86a, Điều 133a, khoản 2 Điều 135, Điều 136a, khoản 6 Điều 139, khoản 3, 4 Điều 164, khoản 2 Điều 191, Điều 191a, Điều 191b, khoản 4 Điều 194 của Luật Sở hữu trí tuệ.

###  **Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các điều sau đây của Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025: Điều 15, 61, 62, 63, 64, 65 và Điều 66.

3. Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, Điều 3 đến Điều 9 Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

###  **Quy định chuyển tiếp**

 1. Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của [Luật Khoa học và công nghệ năm 2013](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-Khoa-hoc-va-Cong-nghe-2000-21-2000-QH10-46449.aspx) và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt.

 2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

3. Quy định về phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định tại Điều 28 của Luật này cũng được áp dụng đối với lợi nhuận chưa được phân chia từ việc thương mại hóa sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các nhiệm vụ được giao từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến trước ngày Luật này có hiệu lực được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ.

4. Trường hợp các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chưa phù hợp với Luật này, gây khó khăn, vướng mắc về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật có hiệu lực.

Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản này, để bảo đảm giải quyết các khó khăn, vướng mắc về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng … năm …*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI****Trần Thanh Mẫn** |